

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **02/2018/HNGĐ.ST**

Ngày **04/01/2018**

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông Nguyễn Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bền- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/QĐXXST- HN ngày 20/12/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **TRƯƠNG THỊ MỸ L**; sinh năm: 1964. Địa chỉ: Tổ MH Khu vực H, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **TRẦN VIỆT H**; sinh năm: 1960. Địa chỉ: Tổ MH Khu vực H, phường HP, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/8/2017 của nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Trần Việt H tự nguyện kết hôn vào năm 1981, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02-03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà thường chửi mắng bà, mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Hoàng V (nam) sinh ngày 01/10/1983 và Trần Hồng T (nữ) sinh ngày 16/4/1985. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có yêu cầu giải quyết.

Về nợ: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Việt H vắng mặt.

Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của quá trình giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho bà L được ly hôn với ông H.

+ Về con chung: đã trưởng thành nên không giải quyết.

+ Về tài sản chung: không có yêu cầu nên không giải quyết.

+ Về nợ: nguyên đơn cho rằng không có; tuy nhiên, do ông H vắng mặt, chưa làm rõ được tài sản chung và nợ nên không giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Bà Trương Thị Mỹ L và ông Trần Việt H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1981, không có đăng ký kết hôn nhưng thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực nên đây là hôn nhân thực tế và hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà L, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Trần Việt H để ông H tham gia tố tụng và thực hiện các quyền của bị đơn là đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, cũng như tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt không lý do, xem như ông H từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, trong quá trình chung sống, vợ chồng ông H, bà L đã có thời gian hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, vợ chồng đã không thể giữ vững hạnh phúc này khi trong cách xử sự của các bên không còn có sự tôn trọng và quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến hôn nhân đổ vỡ là điều tất

yếu. Nay bà L yêu cầu ly hôn, còn ông H vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này; hơn nữa, xét thấy thời gian vợ chồng ly thân đã lâu nhưng cho đến nay vẫn không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ lại. Do đó, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông H là phù hợp.

[2] *Về con chung*: Có 02 con chung là Trần Hoàng V (nam) sinh ngày 01/10/1983 và Trần Hồng T (nữ) sinh ngày 16/4/1985. Con đã trưởng thành nên không giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ*: Do ông H vắng mặt, chưa làm rõ được tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết. Nếu sau này có ai khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà L phải chịu 300.000đ án phí tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH.10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Trương Thị Mỹ L.

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Cho bà Trương Thị Mỹ L được ly hôn với ông Trần Việt H.

2. **Về con chung**: Có 02 con chung là Trần Hoàng V (nam) sinh ngày 01/10/1983 và Trần Hồng T (nữ) sinh ngày 16/4/1985. Con đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. **Về tài sản chung và nợ**: chưa giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp, sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Mỹ L phải chịu 300.000đ án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đ theo biên lai số 009444 ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang